



SỰ HÀI LÒNG CỦA VẬN ĐỘNG VIÊN ĐỐI VỚI CÔNG TÁC QUẢN LÝ CƠ SỞ VẬT CHẤT TẠI CÂU LẠC BỘ VÕ THUẬT THUỘC TRUNG TÂM HUẤN LUYỆN VÀ THI ĐẤU THỂ DỤC THỂ THAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

SATISFACTION OF ATHLETES WITH FACILITIES MANAGEMENT AT THE MARTIAL ARTS CLUB OF HO CHI MINH CITY SPORTS CENTER

TÓM TẮT: Thông qua khảo sát 100 vận động viên đã tìm ra được thực trạng sự hài lòng của họ đối với công tác quản lý cơ sở vật chất tại Câu lạc bộ Võ Thuật thuộc Trung tâm Huấn luyện và thi đấu Thể dục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là các luận cứ, số liệu khoa học khách quan để giúp cho các nhà quản lý trong việc cải thiện, nâng cấp công tác quản lý cơ sở vật chất của đơn vị được tốt hơn trong những năm tiếp theo.

TỪ KHÓA: Sự hài lòng, quản lý, cơ sở vật chất, vận động viên, câu lạc bộ võ thuật

ABSTRACT: Through a survey of 100 athletes, the current state of their satisfaction with facilities management at The Martial arts club of Ho Chi Minh city Sports center. These are objective scientific arguments and data to help managers improve and upgrade the facility management of their units better in the coming years.

KEYWORDS: Satisfaction, management, facilities, athletes, martial arts club.

HỒ NHẤT THỐNG

Câu lạc bộ Võ Thuật - Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh

NGUYỄN THANH BÌNH

Trường Đại học Thể dục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh

HO NHAT THONG

Martial arts club of Ho Chi Minh City sports center

NGUYEN THANH BINH

University of Sport Ho Chi Minh City

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong xu hướng hội nhập và phát triển để các hoạt động thể dục thể thao luôn được phát triển, đảm bảo trong thời gian dài thì các cơ sở đào tạo cần phải đảm bảo nhiều yếu tố bên trong đơn vị của mình để cung cấp cho vận động viên (VĐV) như đội ngũ huấn luyện viên (HLV), chương trình huấn luyện, đội ngũ nhân viên phục

vụ, hệ thống cơ sở vật chất (CSVC) tại đơn vị, ... trong đó thành tố điều kiện CSVC đóng vai trò rất quan trọng.

Để công tác quản lý thể dục thể thao (TĐTT) nói chung, cũng như hoạt động quản lý CSVC cho VĐV tại các đơn vị đào tạo, tập luyện TĐTT đạt hiệu quả, ngoài các việc phải làm như đẩy mạnh công tác đầu tư, nâng cấp, tăng cường sự chỉ đạo của quản lý đơn vị, ... thì vấn đề cần phải làm thường xuyên là tiến hành kiểm tra đánh giá trong quá trình hoạt động của đơn vị. Cần tiến hành kiểm tra, đánh giá thường xuyên để có những nhìn nhận khách quan về những gì mình đã cung cấp, thay vì chỉ quan tâm đến các yếu tố số lượng, tiêu chí kỹ thuật, ... Từ đó, làm cơ sở để đưa ra các giải pháp khắc phục những tồn tại

thực tế góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động cho đơn vị.

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá sự hài lòng của VĐV đối với công tác quản lý cơ sở vật chất tại Câu lạc bộ Võ Thuật thuộc Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả của nghiên cứu này sẽ là các cơ sở khoa học khách quan để giúp cho công tác quản lý CSVC phục vụ cho VĐV tại đơn vị được hiệu quả hơn trong thời gian tới.

Phương pháp nghiên cứu

Quá trình nghiên cứu sử dụng các phương pháp như sau: Phương pháp tham khảo tài liệu, phương pháp điều tra xã hội học và phương pháp thống kê.

Công cụ nghiên cứu: Khảo sát sự hài lòng của vận động viên dựa trên phiếu khảo sát

BẢNG 1: THÀNH PHẦN THANG ĐO ĐÁNH GIÁ SỰ HÀI LÒNG CỦA VẬN ĐỘNG VIÊN

TT	NỘI DUNG	MÃ HÓA
Nhóm Tình trạng cơ sở vật chất		
1	Phòng tập, nhà tập đảm bảo hoạt động tập luyện của VĐV	TTCSVC1
2	Trang thiết bị tập luyện đảm bảo cho hoạt động tập luyện của VĐV	TTCSVC2
3	Phòng nghỉ và nhà ăn đảm bảo phục vụ cho VĐV	TTCSVC3
4	Tài liệu khoa học, sách, giáo trình, giáo án liên quan đến hoạt động huấn luyện, tập luyện, thi đấu đáp ứng đầy đủ phục vụ cho VĐV	TTCSVC4
Nhóm Năng lực của huấn luyện viên		
5	Huấn luyện viên có kỹ năng sử dụng CSVC trong quá trình huấn luyện cho VĐV	NLHLV1
6	Huấn luyện viên quan tâm đến nhu cầu sử dụng CSVC phục vụ hoạt động tập luyện của VĐV	NLHLV2
7	Huấn luyện viên nhiệt tình hướng dẫn VĐV sử dụng cơ sở vật chất trong quá trình tập luyện và tự tập luyện	NLHLV3
8	Huấn luyện viên sử dụng CSVC phù hợp trong quá trình tập luyện cho VĐV	NLHLV4
Nhóm Năng lực của nhân viên phục vụ		
9	Nhân viên phục vụ CSVC tại CLB có trách nhiệm với công việc	NLNV1
10	Nhân viên phục vụ CSVC tại CLB giải quyết kịp thời các yêu cầu về CSVC cho VĐV	NLNV2
11	Nhân viên phục vụ CSVC tại CLB nhiệt tình hướng dẫn, giúp đỡ VĐV	NLNV3
12	Nhân viên phục vụ CSVC tại CLB có trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc	NLNV4
Nhóm Công tác quản lý cơ sở vật chất của CLB		
13	CLB có định kỳ bảo trì, bảo dưỡng hệ thống CSVC	CTQL1
14	CLB thực hiện tốt công tác vệ sinh đối với hệ thống CSVC	CTQL2
15	CLB đáp ứng kịp thời các yêu cầu của VĐV về CSVC trong tập luyện	CTQL3
16	CLB có kế hoạch đổi mới, nâng cấp hệ thống CSVC	CTQL4
Nhóm Sự hài lòng chung của VĐV		
17	Tôi muốn tiếp tục tập luyện lâu dài tại CLB	HL1
18	Tôi cảm thấy CSVC tại CLB là lý tưởng cho VĐV tập luyện	HL2
19	CSVC của CLB đáp ứng được sự kỳ vọng của tôi	HL3
20	Tôi hài lòng về chất lượng CSVC tại CLB	HL4

được xây dựng theo 05 nhóm yếu tố đánh giá với 20 biến quan sát liên quan được trình bày tại bảng 1, cụ thể như sau:

- Nhóm Tình trạng cơ sở vật chất (TTCSVC): 04 biến quan sát;
- Nhóm Năng lực của HLV (NLHLV): 04 biến quan sát;
- Nhóm Năng lực của nhân viên phục vụ (NLNV): 04 biến quan sát;
- Nhóm Công tác quản lý cơ sở vật chất của CLB (CTQL): 04 biến quan sát;
- Nhóm Sự hài lòng chung của VĐV đối với cơ sở vật chất tại CLB: 04 biến quan sát.

Các biến quan sát được đánh giá theo thang đo Likert 05 mức độ: 1: Hoàn toàn không đồng

ý; 2: Không đồng ý; 3: Bình thường; 4: Đồng ý và 5: Hoàn toàn đồng ý.

Khách thể nghiên cứu: 100 VĐV đang tập luyện tại Câu lạc bộ Võ thuật thuộc Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Thông tin chung của khách thể tham gia khảo sát

Kết quả thống kê về thông tin VĐV tập luyện câu lạc bộ bao gồm: giới tính, độ tuổi, tình trạng hôn nhân, trình độ học vấn, thu nhập hàng tháng, tuyến tập luyện, số ngày tập luyện trong tuần, thâm niên tập luyện VĐV được trình bày cụ thể trong bảng 2.

Nghiên cứu này thực hiện chọn mẫu ngẫu nhiên, tổng số lượng mẫu nghiên cứu là 100 trong đó đa số là VĐV nam chiếm tỷ lệ 65%. Chỉ có 35 % VĐV nữ tham gia khảo sát. Độ tuổi của VĐV tham gia khảo sát chia thành 03 nhóm: Đa số VĐV thuộc nhóm “Từ 18 – 35 tuổi” chiếm tỷ lệ 80 % , chỉ có 06% là nhóm VĐV thuộc nhóm “Từ 36 – 50 tuổi”. Kết quả thống kê cho thấy: Đa số VĐV thuộc nhóm “Độc thân” chiếm tỷ lệ 91% , còn lại là nhóm VĐV “Đã kết hôn” chiếm 9%. Trong tổng số 100 VĐV tham gia khảo sát thì số người có trình độ “Trung học phổ thông” chiếm tỷ lệ cao nhất với 70%. Số VĐV thuộc nhóm có trình độ "Trung

**BẢNG 2: KẾT QUẢ THỐNG KÊ THÔNG TIN CHUNG CỦA KHÁCH THỂ THAM GIA KHẢO SÁT (n=100)**

NỘI DUNG		TẦN SỐ	TẦN SUẤT
Giới tính	Nam	65	65
	Nữ	35	35
	Tổng	100	100
Độ tuổi	Dưới 18 tuổi	14	14
	Từ 18 – 35 tuổi	80	80
	Từ 36 – 50 tuổi	6	6
	Tổng	100	100
Tình trạng hôn nhân	Độc thân	91	91
	Đã kết hôn	9	9
	Tổng	100	100
Trình độ học vấn	Dưới Trung học phổ thông	14	14
	Trung học phổ thông	70	70
	Trung cấp, cao đẳng, đại học	16	16
	Tổng	100	100
Thu nhập hàng tháng	Từ 5 đến dưới 10 triệu VNĐ/tháng	27	27
	Từ 10 đến dưới 15 triệu VNĐ/tháng	33	33
	Trên 15 triệu VNĐ/tháng	40	40
	Tổng	100	100
Môn thể thao đang tập luyện của VĐV	Muay	20	20
	Karatedo	23	23
	Võ cổ truyền	18	18
	Pencak silat	17	17
	Muay- Kick Boxing	22	22
	Tổng	100	100
Số ngày tập luyện trong tuần	3 ngày/tuần	69	69
	Trên 3 ngày/tuần	31	31
	Tổng	100	100
Tuyển tập luyện	Đội tuyển	66	66
	Đội trẻ	21	21
	Đội năng khiếu	13	13
	Tổng	100	100
Số năm tập luyện	Từ 2 năm đến dưới 5 năm	14	14
	Từ 5 năm đến dưới 10 năm	81	81
	Trên 10 năm	5	5
	Tổng	100	100

(Nguồn: Kết quả phân tích số liệu khảo sát)

cấp/Cao đẳng/Đại học” chiếm 16%, nhóm VĐV thuộc nhóm “Dưới Trung học phổ thông” chiếm 14%. Qua khảo sát cho thấy các VĐV tham gia khảo sát thuộc 03 nhóm thu nhập. Trong đó, có đến 40% VĐV thuộc nhóm thu nhập “Trên 15 triệu VNĐ/tháng”, 33% VĐV thuộc nhóm thu nhập “Từ 10 đến dưới 15 triệu VNĐ/tháng”. Chỉ có 27% VĐV thuộc nhóm

có thu nhập “Từ 5 đến dưới 10 triệu VNĐ/tháng”. Kết quả thống kê cho thấy, các VĐV đang tập luyện 05 môn thể thao. Trong đó, nhóm VĐV tập luyện môn Karatedo tham gia khảo sát cao nhất với 23%. thấp nhất là nhóm VĐV tập luyện môn Pencak silat với 17%. Kết quả phân tích cho thấy có đến 69% VĐV tham phỏng vấn tập luyện “03 ngày/ tuần”, còn lại chỉ có

31% VĐV tập luyện “Trên 03 ngày/ tuần”. Qua kết quả thống kê cho thấy phần lớn đối tượng được khảo sát là VĐV thuộc tuyển “Đội tuyển” chiếm 66%, tiếp theo VĐV thuộc tuyển “Đội trẻ” chiếm 21%, còn lại là VĐV tuyển “Đội năng khiếu” chỉ có 13%. Kết quả phân tích thống kê cho thấy VĐV đang tập luyện có thâm niên “Từ 5 đến dưới 10 năm” chiếm đến 81%. Tiếp theo là nhóm VĐV có thâm niên tập luyện “Từ 2 đến dưới 5 năm” chiếm 14%, chỉ có 5% VĐV tập luyện “Trên 10 năm”.

2.2. Sự hài lòng của vận động viên đối với công tác quản lý cơ sở vật chất tại Câu lạc bộ Võ thuật thuộc Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh

2.2.1. Sự hài lòng của vận động viên đối với công tác quản lý cơ sở vật chất theo các nhóm đánh giá

Kết quả đánh giá của các VĐV tham gia phỏng vấn cho thấy: các công tác liên quan đến CSVC tại CLB chưa được đánh giá cao, giá trị trung bình của 04 nhóm chỉ đạt từ 3.2 đến 3.6. Trong đó: Nhóm “Năng lực của HLV” được đánh giá cao nhất (TB= 3.6), xếp thứ 2 là nhóm “Năng lực nhân viên phục vụ” (TB=3.3) và nhóm “Công tác quản lý cơ sở vật chất của CLB” (TB=3.3). Nội dung được VĐV đánh giá thấp nhất là nhóm “Tình trạng cơ sở vật chất” (TB=3.2).

Để tìm hiểu rõ hơn về sự hài lòng của VĐV, nghiên cứu tiến hành phân tích giá trị TB của các biến quan sát thuộc 05

nhóm. Kết quả chi tiết bao gồm các nội dung như sau:

2.2.2. Sự hài lòng của vận động viên đối với nhóm tình trạng cơ sở vật chất của câu lạc bộ

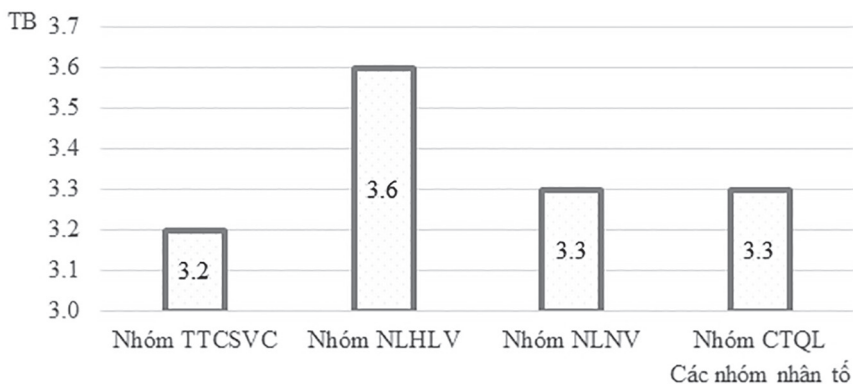
Qua kết quả phân tích cho thấy các biến quan sát chỉ được đánh giá ở mức độ bình thường. Trong đó nội dung được các VĐV đánh giá cao nhất là “Phòng tập, nhà tập đảm bảo hoạt động tập luyện của VĐV (TTCSVC1)” (TB= 3.4). Nội dung VĐV đánh giá thấp nhất trong nhóm này là “Phòng nghỉ và nhà ăn đảm bảo phục vụ cho VĐV (TTCSVC3)” (TB=3.0).

2.2.3. Sự hài lòng của vận động viên đối với nhóm năng lực của huấn luyện viên

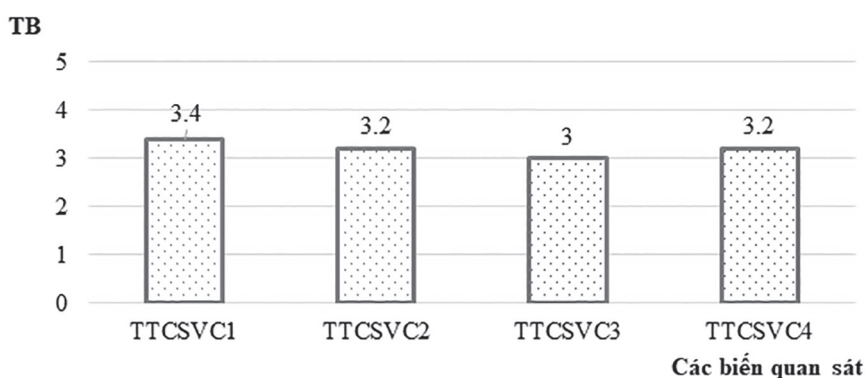
Qua kết quả phân tích cho thấy chỉ có 03 biến quan sát được các VĐV đánh giá ở mức độ hài lòng. Trong đó nội dung được các VĐV đánh giá cao nhất là “HLV sử dụng CSVC phù hợp trong quá trình tập luyện cho VĐV (NLHLV4)” (TB= 3.8). Nội dung VĐV đánh giá thấp nhất trong nhóm này là “HLV quan tâm đến nhu cầu sử dụng CSVC phục vụ hoạt động tập luyện của VĐV (NLHLV2)” (TB=3.3).

2.2.4. Sự hài lòng của vận động viên đối với nhóm năng lực của nhân viên phục vụ

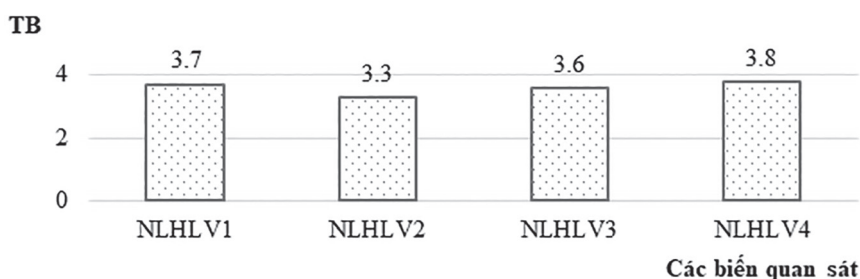
Qua kết quả phân tích cho thấy các biến quan sát chỉ được đánh giá ở mức độ bình thường. Trong đó, nội dung được các VĐV đánh giá cao nhất là “Nhân viên phục vụ CSVC tại CLB nhiệt tình hướng dẫn, giúp đỡ VĐV (NLNV3)” (TB=3.5). Nội dung VĐV đánh giá thấp nhất trong nhóm này là “Nhân viên phục vụ CSVC tại CLB có trình



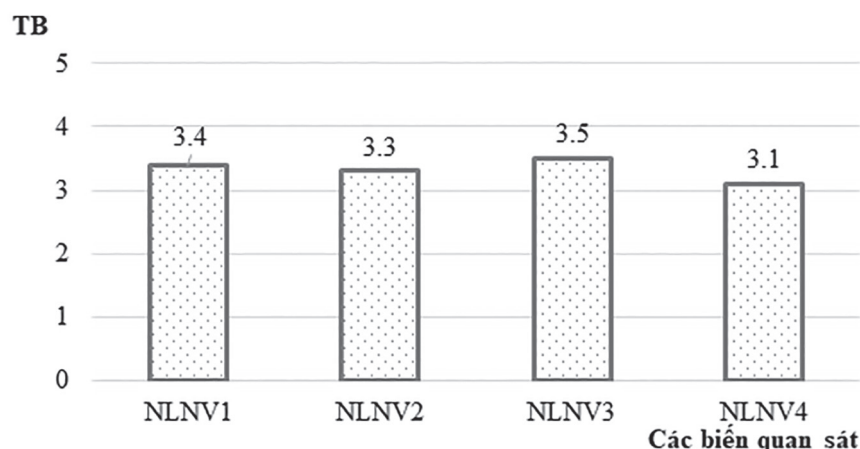
BIỂU ĐỒ 1: THỐNG KÊ SỰ HÀI LÒNG CỦA VẬN ĐỘNG VIÊN ĐỐI VỚI CÔNG TÁC QUẢN LÝ CƠ SỞ VẬT CHẤT THEO CÁC NHÓM ĐÁNH GIÁ



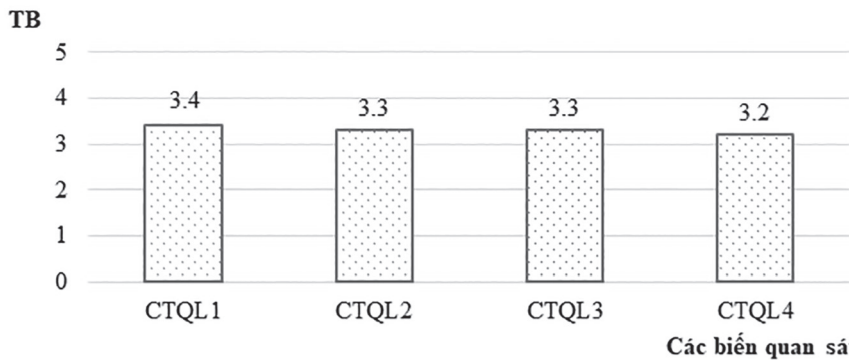
BIỂU ĐỒ 2: THỐNG KÊ GIÁ TRỊ TRUNG BÌNH CÁC BIẾN QUAN SÁT TRONG NHÓM TÌNH TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT CỦA CÂU LẠC BỘ



BIỂU ĐỒ 3: THỐNG KÊ GIÁ TRỊ TRUNG BÌNH CÁC BIẾN QUAN SÁT TRONG NHÓM NĂNG LỰC CỦA HUẤN LUYỆN VIÊN



BIỂU ĐỒ 4: THỐNG KÊ GIÁ TRỊ TRUNG BÌNH CÁC BIẾN QUAN SÁT TRONG NHÓM NĂNG LỰC CỦA NHÂN VIÊN PHỤC VỤ



BIỂU ĐỒ 5: THỐNG KÊ GIÁ TRỊ TRUNG BÌNH CÁC BIẾN QUAN SÁT TRONG NHÓM CÔNG TÁC QUẢN LÝ CƠ SỞ VẬT CHẤT CỦA CÂU LẠC BỘ

BẢNG 3: THỐNG KÊ GIÁ TRỊ TRUNG BÌNH CÁC BIẾN QUAN SÁT TRONG NHÓM SỰ HÀI LÒNG CHUNG CỦA VẬN ĐỘNG VIÊN (n=100)

TT	NỘI DUNG	TRUNG BÌNH	ĐỘ LỆCH CHUẨN
1	Tôi muốn tiếp tục tập luyện lâu dài tại CLB (HL1)	3.27	1.034
2	Tôi cảm thấy cơ sở vật chất tại CLB là lý tưởng cho VĐV tập luyện thể thao (HL2)	2.45	1.154
3	Cơ sở vật chất của CLB đáp ứng được sự kỳ vọng của tôi (HL3)	3.15	1.004
4	Tôi hài lòng về chất lượng cơ sở vật chất tại CLB (HL4)	3.02	1.002

(Nguồn: Kết quả phân tích số liệu khảo sát)

độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc (NLNV4)” (TB=3.1).
2.2.5. Sự hài lòng của vận động viên đối với nhóm công tác quản lý cơ sở vật chất của câu lạc bộ

Qua kết quả phân tích cho thấy các biến quan sát chỉ được VĐV đánh giá ở mức độ bình thường. Trong đó, nội dung được các VĐV đánh giá cao nhất là “CLB có định kỳ bảo trì, bảo dưỡng hệ thống cơ sở vật chất (CTQL1)” (TB=3.4). Nội dung VĐV đánh giá thấp nhất trong nhóm này

là “CLB có kế hoạch đổi mới, nâng cấp hệ thống cơ sở vật chất (CTQL4)” (TB=3.2).

2.2.6. Sự hài lòng chung của vận động viên đối với cơ sở vật chất tại câu lạc bộ

Kết quả thống kê tại bảng 2 cho thấy VĐV chưa hài lòng đối với cơ sở vật chất tại CLB. Biến quan sát được VĐV đánh giá cao nhất là “Tôi muốn tiếp tục tập luyện lâu dài tại CLB (HL1)” chỉ đạt giá trị trung bình là 3.27. Xếp thứ 2 là “Cơ

sở vật chất của CLB đáp ứng được sự kỳ vọng của tôi (HL3)” (TB=3.15), tiếp theo là “Tôi hài lòng về chất lượng cơ sở vật chất tại CLB (HL4)” (TB=3.02). Và sau cùng, biến quan sát không được đánh giá cao là “Tôi cảm thấy cơ sở vật chất tại CLB là lý tưởng cho VĐV tập luyện thể thao (HL2)” (TB=2.45).

3. KẾT LUẬN

Qua khảo sát VĐV cho thấy công tác quản lý cơ sở vật chất tại CLB chưa được VĐV đánh giá cao, giá trị trung bình của 04 nhóm chỉ đạt từ 3.2 đến 3.6. Kết quả hài lòng chung cho thấy VĐV chưa đánh giá đạt mức độ hài lòng đối với công tác quản lý cơ sở vật chất tại CLB. Đây là các cơ sở khoa học khách quan để các nhà quản lý có thể nhìn nhận lại quá trình hoạt động, đồng thời tìm ra các giải pháp khắc phục, cũng như nâng cao mức độ hài lòng của VĐV khi tập luyện tại Câu lạc bộ Võ Thuật thuộc Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian tới. ■

(Ngày toà soạn nhận bài: 09/01/2024;
 ngày phân biên đánh giá: 15/01/2024;
 ngày chấp nhận đăng bài: 13/02/2024)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cronin, J. J., & Taylor, S. A. (1992), Measuring service quality: a reexamination and extension, Journal of Marketing, No. 56, pp. 55-68.
2. Hee-Kwan Eun, Jong-Ho Lee (2013), The Impact of Service Quality of Public Sports Facilities on Citizens' Satisfaction, Image, and Word-of-mouth Intention, The Sport Journal, February 7.
3. Lê Quý Phượng và cộng sự (2015), Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học trong Quản lý Thể dục Thể thao, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Trần Hồng Quang và cộng sự (2016), Giáo trình Quản lý Cơ sở vật chất Thể dục Thể thao, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2005), Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS, Nhà xuất bản Thống kê.
6. Phạm Hùng Việt và cộng sự (2018), Giáo trình Cơ sở vật chất Thể dục Thể thao, Nhà xuất bản Thể dục Thể thao.